

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC Ở VIỆT NAM*

Vietnam's current policies on intellectual force development

LÊ VĂN HÙNG

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW khóa X về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ nhằm phát triển đội ngũ trí thức phục vụ công cuộc phát triển đất nước. Các chính sách đã tạo ra môi trường làm việc ngày càng thuận lợi, giúp đội ngũ trí thức ngày càng phát triển và đóng góp tích cực hơn vào quá trình phát triển. Tuy nhiên, chính sách đối với đội ngũ trí thức vẫn còn nhiều hạn chế, như: công tác tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, đào tạo bồi dưỡng còn chưa hợp lý.

Từ khóa: chính sách, đội ngũ trí thức, Việt Nam.

This article reviews and evaluates Vietnam's current policies on developing intellectuals. The Communist Party and Government of Vietnam have issued many orientations and policies to develop intellectual force. As a result, the working environment for intellectuals has been improved. However, there are shortcomings in recruitment, employment, remuneration and training.

Keywords: policy, intellectual, Vietnam.

1. Giới thiệu

Nhận thức rõ tầm quan trọng và đóng góp của đội ngũ trí thức, của người tài đối với phát triển kinh tế - xã hội, Đảng đã có nhiều chủ trương, chỉ thị, quan tâm đôn đốc các cơ quan, ban ngành xây dựng chính sách tạo môi trường ngày càng tốt hơn để khuyến khích phát triển đội ngũ trí thức. Nghị quyết số 27-NQ/TW khóa X về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” (gọi tắt là Nghị quyết 27), Nghị quyết số 29-NQ/TW khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần

thứ XII, Đảng đưa ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn 2016 - 2020 là: “Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của trí thức. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài của đất nước”.

Lê Văn Hùng, TS., Viện Nghiên cứu phát triển bền vững vùng.

Bài viết là một trong các kết quả nghiên cứu của đề tài “Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030”, mã số: ĐTĐL.XH-09/20.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, các bộ, ban ngành và địa phương các cấp đã có nhiều chương trình, đề án, chính sách, văn bản pháp luật nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức trong nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau. Sau hơn mười năm thực hiện Nghị quyết 27, bước đầu, đội ngũ trí thức đã có những dấu hiệu tích cực như gia tăng cả về số lượng và chất lượng, đội ngũ trí thức đã có những đóng góp quan trọng vào quá trình xây dựng và hoạch định chính sách, trong nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, góp phần quan trọng vào kết quả tăng trưởng và phát triển của Việt Nam. Tuy nhiên, xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức ở Việt Nam giai đoạn vừa qua vẫn đang bộc lộ nhiều hạn chế, đóng góp vào phát triển chưa thực sự như kỳ vọng, đặc biệt khi so sánh những kết quả, thành tựu của đội ngũ trí thức của Việt Nam với các nước trong khu vực và thế giới, nhất là trong các lĩnh vực quan trọng như khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển. Để làm rõ hơn vấn đề này, bài viết sẽ tập trung phân tích thực trạng chính sách phát triển đội ngũ trí thức, chỉ ra những thành công và những mặt còn hạn chế về chính sách và thực thi chính sách giai đoạn vừa qua.

2. Thực trạng chính sách phát triển đội ngũ trí thức ở Việt Nam

Sau khi Nghị quyết 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa X (2008) được ban hành, các cấp đảng ủy, tổ chức đảng từ cấp trung ương tới địa phương đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng và triển khai chính sách, kiểm tra giám sát và đôn đốc thực hiện Nghị quyết. Các chính sách cụ thể đó là:

2.1. Chính sách đào tạo, tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ trí thức theo nhóm trí thức

Chính sách đối với nhóm trí thức là cán bộ, lãnh đạo và quy hoạch lãnh đạo: dù không chiếm đa số đội ngũ trí thức nhưng đội ngũ trí thức lãnh đạo, quy hoạch lãnh

đạo lại giữ vai trò, vị trí quan trọng nhất trong công tác hoạch định và quyết định các chủ trương, đường lối chính sách, đường lối phát triển quan trọng của đất nước; là lực lượng trí thức tiên phong quyết định sự thành công trong công tác tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ chiến lược của Đảng và Nhà nước.

Cụ thể hóa Nghị quyết 27, Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chương trình, chính sách bồi dưỡng, đào tạo trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, quản lý đối với các cấp lãnh đạo quản lý. Theo Quyết định số 1216 của Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam đã đặt mục tiêu tổng số cán bộ lãnh đạo các cấp cần bồi dưỡng thời kỳ 2011 - 2015 khoảng 20 nghìn người, thời kỳ 2016 - 2020 khoảng 15 nghìn người. Nhằm tăng cường chất lượng đội ngũ trí thức là cán bộ lãnh đạo, tháng 6-2008, Bộ Chính trị đã phê duyệt chủ trương triển khai thực hiện Đề án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước (Đề án 165). Theo Báo cáo đề án của Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, giai đoạn 2009 - 2017 đã có 18.558 cán bộ đi nghiên cứu, học tập tại nước ngoài, trong đó, đào tạo theo Đề án 165 là 16.505 người với tổng kinh phí trên 2.550 tỷ đồng. Để gia tăng chất lượng cho đội ngũ lãnh đạo, Bộ Chính trị cũng đã ban hành Thông báo số 165-TB/TW về Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước”.

Chính sách tuyển dụng, sử dụng cán bộ lãnh đạo ở các ngành, các địa phương đang từng bước được thí điểm thay thế việc bổ nhiệm cán bộ thông qua chỉ định bằng phương thức thi tuyển. Từ năm 2014, những địa phương tiên phong trong thi tuyển các vị trí lãnh đạo (lãnh đạo cấp sở, ngành, hiệu trưởng, lãnh đạo cấp phòng)

như: Quảng Bình, Hải Phòng, Quảng Nam, Đồng Tháp, Quảng Ninh, Đà Nẵng. Các bộ, ngành cũng thí điểm thực hiện phương thức này như Bộ Giao thông vận tải tổ chức thi tuyển lãnh đạo một số vị trí lãnh đạo cấp tổng cục, cấp vụ. Theo Bộ Nội vụ, giai đoạn 2015 - 2019, tại các cơ quan trung ương, có chín cơ quan đã tổ chức thi tuyển với 30 vị trí, như: Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Nội vụ. Theo đó, năm cơ quan đã xây dựng kế hoạch, đang triển khai thực hiện (Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và đào tạo và Ban Kinh tế Trung ương); có 13 địa phương đã tổ chức thực hiện thí điểm thi tuyển, với 76 vị trí, như các tỉnh: Hòa Bình, Ninh Bình, Thừa Thiên - Huế, Lào Cai, Quảng Ninh... Hai tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Phúc cũng đang triển khai thực hiện (Luân Dũng, 2019).

Chính sách đối với nhóm trí thức là công chức, viên chức: nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc cho cán bộ công chức, viên chức, Chính phủ đã ban hành một loạt các chính sách nêu rõ mục tiêu và định hướng đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ công chức, viên chức trong từng giai đoạn. Cụ thể, Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 5-3-2010 về đào tạo, bồi dưỡng công chức. Quyết định số 1216 của Chính phủ đã nêu rõ mục tiêu tỷ lệ công chức, viên chức cần bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ thời kỳ 2011 - 2015 khoảng 20%, thời kỳ 2016 - 2020 khoảng 15% tổng số công chức, viên chức.

Các chính sách khuyến khích bồi dưỡng đào tạo cho cán bộ công chức, viên chức liên tục được ban hành nhằm nâng cao năng lực cho các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan đơn vị như: Quyết định số 911/QĐ-TTg, ngày 17-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại

học, cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020 (gọi tắt là Đề án 911); Nghị định 99/2014/NĐ-CP khuyến khích hoạt động khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học; Quyết định số 599/QĐ-TTg ngày 17-4-2013 phê duyệt Đề án đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước giai đoạn 2013-2020. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 1-9-2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong và ngoài nước. Theo Nghị định này, tất cả công chức trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp trung ương tới cơ sở, các viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập sẽ được đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực. Nội dung kiến thức được đào tạo bồi dưỡng khá toàn diện từ lý luận chính trị, kiến thức an ninh quốc phòng, kiến thức quản lý, kiến thức chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học, tiếng dân tộc.

Bên cạnh các chính sách chung của Nhà nước về bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ công chức, viên chức nói chung, Chính phủ, các bộ, ban ngành cấp trung ương và các tỉnh, thành cũng có những chính sách cụ thể đối với các ngành, lĩnh vực như: Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực nguyên tử; Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên trình độ cao trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật giai đoạn 2011 - 2020; Đề án đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo các trường văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 - 2020. Các Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tư pháp... đều có đề án đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công chức, viên chức¹.

¹ Quyết định số 1648/QĐ-BTC ngày 2-7-2012; Quyết định số 1738/QĐ-BTC ngày 10-7-2012; Quyết định số 598/QĐ-BVHTTDL ngày 4-2-2013; Quyết định số 359/QĐ-BTP ngày 6-3-2013; Quyết định số 1188/QĐ-BGTVT ngày 28-5-2012.

Chính sách đối với nhóm trí thức trong lực lượng vũ trang: so với nhóm trí thức là công chức, viên chức, trí thức trong lực lượng vũ trang đã được hưởng những chế độ chính sách ưu tiên cao hơn về cơ chế lương, phụ cấp... do đặc thù nhiệm vụ chính trị, an ninh quốc phòng quốc gia. Riêng Bộ Quốc phòng cũng có những chính sách ưu tiên kéo dài thời gian làm việc đối với trí thức là giáo sư, tiến sĩ, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, nhà giáo, thầy thuốc nhân dân; các chính sách hỗ trợ về nhà ở, bậc lương, phụ cấp theo nghề và lao động nghệ thuật trong quân đội². Tương tự, Bộ Công an cũng có chính sách ưu tiên đối với cán bộ có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc; có chính sách tuyển chọn, bồi dưỡng đào tạo và chuẩn hóa trình độ đội ngũ giáo viên, cán bộ tại các trường, học viện Công an nhân dân³.

Chính sách đối với nhóm trí thức là doanh nhân, khu vực ngoài nhà nước: xác định doanh nghiệp là lực lượng quan trọng đóng góp vào phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Việt Nam có nhiều chính sách thúc đẩy doanh nghiệp, khu vực tư nhân tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo⁴. Bên cạnh những chính sách khuyến khích, Việt Nam cũng đưa ra những quy định bắt buộc nhằm gia tăng nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) và phát triển nhân lực nói chung. Như Luật Khoa học và công nghệ ban hành năm 2013, đã quy định bắt buộc các doanh nghiệp phải dành kinh phí đầu tư để đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tỷ lệ chi cho đầu tư cho nghiên cứu và phát triển của khu vực doanh nghiệp trong tổng chi cho nghiên cứu và phát triển của cả nước đã

tăng từ 28,4% năm 2015 lên 64,1% năm 2019 (Hà Linh, 2020).

Chính phủ cũng xây dựng quy hoạch nhằm cải thiện trình độ cho đội ngũ doanh nhân. Theo Quyết định số 1216 của Chính phủ, mục tiêu đến năm 2015, cả nước có khoảng 1,5 - 2 triệu doanh nhân, tỷ lệ doanh nhân có trình độ cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ chiếm khoảng 78,0% tổng số đội ngũ doanh nhân. Đến năm 2020, cả nước có khoảng 2,5 - 3 triệu doanh nhân, tỷ lệ doanh nhân có trình độ cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ chiếm khoảng 80,0% trong tổng số đội ngũ doanh nhân. Thực hiện quyết định này của Chính phủ, các địa phương cũng đã xây dựng và phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực doanh nghiệp và chuyên gia quản trị doanh nghiệp⁵.

Bên cạnh các chính sách khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, sự lớn mạnh của một số doanh nghiệp tư nhân trong nước đã và đang tạo ra những sự thay đổi lớn trong nghiên cứu đổi mới sáng tạo từ khối doanh nghiệp (cả doanh nghiệp nhà nước và tư nhân trong nước). Theo Luật Khoa học và công nghệ và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP cho thấy, các thủ tục thành

² Cụ thể trong Thông tư số 165/TT-BQP ngày 16-12-2008; Thông tư số 177-2011/BQP ngày 19-9-2011; Quyết định số 2826/QĐ-BQP ngày 6-8-2010.

³ Thông tư 31/2008/TT-BCA ngày 3-8-2008, Thông tư 30/2009/TT-BCA ngày 20-5-2009, Công văn số 1597/BCA-X11 ngày 7-6-2011, Công văn số 128/KH-BCA ngày 22-6-2012.

⁴ Nghị định 13/2019/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học công nghệ ưu tiên, ưu đãi về nộp thuế thu nhập, thuế xuất nhập khẩu, vay vốn tín dụng, thương mại hóa sản phẩm. Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP của Chính phủ cho phép thành lập các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học tư nhân.

⁵ Quyết định 759/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An; Quyết định số 475/QĐ-UBND của UBND Đà Nẵng.

lập viện, trung tâm nghiên cứu khá thuận lợi. Hiện có khá nhiều viện, trung tâm nghiên cứu được thành lập bởi các doanh nghiệp, cá nhân. Đây chính là nơi thu hút và ươm tạo phát triển đội ngũ trí thức thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và phát triển bền vững ở Việt Nam.

Chính sách đối với nhóm trí thức hoạt động trong các tổ chức (hội) xã hội - nghề nghiệp: xác định nhóm trí thức hoạt động trong các tổ chức (hội) xã hội - nghề nghiệp là lực lượng quan trọng, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16-4-2010 “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam đã có nhiều đổi mới trong công tác nghiên cứu khoa học, phản biện và tư vấn chính sách cho Đảng và Nhà nước ở nhiều khía cạnh, nhiều lĩnh vực của đời sống. Ở nhiều địa phương, đơn vị, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền đồng thời tham gia làm chủ tịch hội trí thức trên địa bàn⁶. Trong những năm vừa qua, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam đã tham gia tổ chức nhiều diễn đàn khoa học nhằm thảo luận, tư vấn những chủ đề “nóng”, quan trọng của đất nước để có những chính sách, giải pháp đề xuất tốt nhất cho Đảng và Nhà nước.

Chính sách đối với nhóm trí thức là sinh viên, trí thức trẻ: Kết luận số 86-KL/TW, ngày 24-1-2014, của Bộ Chính trị “Về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ”. Mục tiêu của Kết luận này nhằm xây dựng cơ chế, chính sách đủ sức thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có trình độ, năng lực chuyên môn cao, phẩm chất tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế để

từng bước đào tạo, bồi dưỡng thành nhân tài cho đất nước. Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 5-12-2017 “Về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ” sẽ được các cơ quan nhà nước tuyển dụng công chức, viên chức không qua thi tuyển.

Chính sách đối với nhóm trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài: giai đoạn vừa qua, Đảng và Chính phủ đã có nhiều chính sách thu hút các chuyên gia, trí thức là người Việt Nam sống ở nước ngoài và các chuyên gia quốc tế tới Việt Nam làm việc. Các chính sách cụ thể như Nghị định 87/2014/NĐ-CP ngày 22-9-2014 “Về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam”. Theo Nghị định này, người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam sẽ được các chính sách ưu tiên về xuất nhập cảnh và cư trú, chính sách về tuyển dụng, làm việc, chính sách về nhà ở, lương, tiếp cận thông tin, khen thưởng... Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 19-5-2015 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới đã chỉ đạo “Có chính sách thu hút, sử dụng chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là trong các lĩnh vực thiết yếu, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Nghị định số 82/2015/NĐ-CP “Về miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam”.

⁶ Theo số liệu tổng hợp, có bảy lãnh đạo tỉnh ủy, ủy ban, sáu lãnh đạo Ban tuyên giáo, sở, ngành kiêm nhiệm chủ tịch Liên hiệp khoa học, kỹ thuật tỉnh.

Tiếp theo, Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 5-4-2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới giai đoạn 2016-2020 đã nêu rõ: “Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Mọi người Việt Nam ở nước ngoài đều được khuyến khích, tạo điều kiện trở về thăm quê hương, đầu tư sản xuất kinh doanh, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”.

Bên cạnh các chính sách cụ thể, Đảng, Chính phủ, các bộ ngành, địa phương, các cơ quan đơn vị và giới trí thức trong nước đã phối hợp tổ chức các diễn đàn, hội thảo khoa học, trao đổi học giả, hợp tác khoa học, nghiên cứu giảng dạy... cả ở trong nước và nước ngoài. Các hoạt động này có vai trò tích cực thu hút các nhà trí thức người Việt sống ở nước ngoài và các chuyên gia quốc tế tới làm việc cả dài hạn và ngắn hạn với tần suất ngày càng cao. Với đội ngũ trí thức là người Việt Nam sống ở nước ngoài đông đảo và đang tham gia làm việc tại nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức nổi tiếng trên thế giới, việc tăng cường thu hút lực lượng trí thức là người Việt Nam sống ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2. Chính sách và thực thi chính sách đầu tư phát triển trí thức

Về đầu tư, tài chính

Bên cạnh nguồn kinh phí khoa học cấp cho các bộ ngành và các địa phương hàng năm, Việt Nam còn hỗ trợ kinh phí đầu tư cho hoạt động phát triển trí thức thông qua các chương trình khoa học, công nghệ, các quỹ tài trợ cho công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực trình độ nhằm phát triển đội ngũ trí

thức. Các quỹ khoa học của Nhà nước như: Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương... Các chính sách hỗ trợ tài chính thông qua các chương trình cử đi đào tạo nước ngoài đối với những tri thức trẻ có tiềm năng như Đề án 322, Đề án 165.

Để tạo điều kiện cho giới trí thức trong hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng tác văn học nghệ thuật, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và công nghệ đã có nhiều chính sách rà soát, điều chỉnh định mức chi cho hoạt động này phù hợp hơn. Các chính sách cụ thể như: Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN, ngày 22-4-2015 và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC, ngày 30-12-2015 của Bộ Khoa học và công nghệ và Bộ Tài chính; Quyết định số 650/QĐ-TTg, ngày 25-4-2016 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 42/2017/TT-BTC, ngày 28-4-2017 của Bộ Tài chính.

Nhằm ghi nhận, tôn vinh, động viên khuyến khích và tạo động lực làm việc tốt hơn cho giới trí thức, Đảng, Nhà nước đã tổ chức nhiều chương trình, giải thưởng khoa học và sáng tạo nghệ thuật nhằm ghi nhận đóng góp và vinh danh các trí thức có thành tích đặc biệt như: Giải thưởng Hồ Chí Minh; Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ, văn học nghệ thuật; Giải thưởng Tạ Quang Bửu; Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam; Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam tổ chức hội nghị tôn vinh trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu; Giải thưởng Sáng tạo khoa học và công nghệ Việt Nam (VIFOTEC); lĩnh vực văn hóa nghệ thuật tổ chức trao giải Cánh diều vàng, Bông sen vàng... Ngoài ra, các giải thưởng khoa học danh giá khác do các tổ chức, trường đại học trong nước trao tặng như Giải thưởng Bảo Sơn (do Tập đoàn Bảo Sơn tài trợ) dành cho công dân Việt Nam có công trình

nghiên cứu, ứng dụng có kết quả, có đóng góp nổi bật và ảnh hưởng tích cực trong năm lĩnh vực: giáo dục và đào tạo; xóa đói, giảm nghèo; phát triển kinh tế bền vững; y - được học, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; văn học. Bộ Giáo dục và đào tạo là cơ quan bảo trợ và tổ chức xét tặng giải thưởng. Mỗi lĩnh vực được trao tặng sẽ có một giải nhất trị giá tương đương 50.000 USD và bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo. Giải thưởng Khoa học Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU Prize) sẽ được trao cho nhà khoa học trên toàn cầu có thành tích khoa học xuất sắc tham dự giải, trong đó, giải thưởng Thành tựu trọn đời (trị giá 5.000 USD/người), giải thưởng Ngôi sao đang lên (trị giá 4.000 USD), giải thưởng Phụ nữ nghiên cứu khoa học (trị giá 3.000 USD).

Về đầu tư cơ sở hạ tầng

Ngoài yếu tố con người, điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, giảng dạy và sáng tạo nghệ thuật có vai trò quan trọng, gia tăng đóng góp của đội ngũ trí thức đối với phát triển. Trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam đã đầu tư xây dựng và hình thành: ba khu công nghệ cao tại ba trung tâm kinh tế lớn là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; hai đại học quốc gia, năm đại học vùng và nhiều trường đại học trọng điểm; đã xây dựng Trung tâm Quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành, Tổ hợp không gian khoa học ở Quy Nhơn, Bình Định. Một loạt các công viên phần mềm đã được thành lập tập trung tại các thành phố lớn như: TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ và Thừa Thiên - Huế.

Liên quan tới lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, Chính phủ đã có nhiều chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ các hoạt động của giới trí thức trong lĩnh vực này. Cụ thể, Liên hiệp Hội văn học nghệ thuật đã được triển khai các đề án như cải tạo và nâng cấp

trụ sở, xây dựng Trại sáng tác tại Phú Quốc bên cạnh các Trại sáng tác do Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch quản lý. Hầu hết các tỉnh, thành đã thành lập Quỹ tài trợ sáng tạo văn học nghệ thuật, ban hành các quy chế giải thưởng văn học nghệ thuật.

Nhiều trụ sở, nơi làm việc của các cơ quan, đơn vị, các cơ quan nghiên cứu khoa học, sáng tác nghệ thuật, trường đại học, các đơn vị khác đã được đầu tư xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp tạo điều kiện hoạt động và làm việc tốt hơn cho đội ngũ trí thức.

Xã hội hóa, huy động nguồn lực tài chính

Đối với các cơ quan, đơn vị, trường đại học, cao đẳng khu vực nhà nước, Đảng và Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách tự chủ về nguồn lực nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan này tăng cường sự chủ động trong tuyển dụng, trả lương, thưởng theo nguyên tắc thị trường. Chính sách này giúp các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập có sự thay đổi mạnh mẽ về quy mô và chất lượng hoạt động. Nhiều đơn vị có sự cải thiện rõ rệt về vị thế, vị trí và uy tín trong giới khoa học khu vực và quốc tế.

Thu hút khu vực tư nhân tham gia xây dựng phát triển đội ngũ trí thức. Nhà nước khuyến khích khu vực tư nhân thành lập các viện, trung tâm tham gia hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đào tạo và sáng tạo nghệ thuật. Một loạt các tập đoàn, doanh nghiệp và các nhà đầu tư tư nhân, các trí thức đã thành lập trường đại học và viện, trung tâm nghiên cứu với nguồn lực đầu tư lớn. Đây là những nguồn vốn quan trọng kết hợp với nguồn vốn ngân sách nhà nước giúp thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nuôi dưỡng nhằm gia tăng cả số lượng và chất lượng đội ngũ trí thức.

3. Đánh giá thành tựu, hạn chế của chính sách phát triển đội ngũ trí thức

3.1. Một số thành tựu

Thứ nhất, các cấp ngành từ trung ương và địa phương về cơ bản đã nhận thức rõ

vai trò của đội ngũ trí thức trong thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu chính trị và phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Vì vậy, nội dung của nghị quyết, các chỉ đạo, chỉ thị, quyết định của Đảng, các tổ chức Đảng, Chính phủ đã được các bộ, ban ngành và các địa phương triển khai thực hiện. Nghị quyết 27 đã tạo ra sự đồng thuận cao với mong muốn tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đội ngũ trí thức ở tất cả các cấp, các ngành từ trung ương tới địa phương.

Thứ hai, đội ngũ trí thức (cả trong nước và trí thức người Việt Nam ở nước ngoài) đã có nhiều thay đổi tích cực về tinh thần cống hiến và đóng góp xây dựng đất nước sau khi Đảng và Nhà nước có nhiều chính sách cải thiện môi trường làm việc, tăng cường minh bạch, dân chủ, cởi mở trong hoạch định và xây dựng chính sách của Đảng và Nhà nước. Vai trò của đội ngũ trí thức trong thảo luận, tư vấn, góp ý xây dựng đường lối phát triển kinh tế, xã hội ngày càng gia tăng và hiệu quả ngày càng cao. Những đóng góp trí tuệ, tư duy của đội ngũ trí thức trên nhiều lĩnh vực góp phần nâng cao tinh thần đoàn kết dân tộc.

Thứ ba, các chính sách thu hút, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ trí thức đã dần đi vào cuộc sống. Nhiều sinh viên, nhà khoa học trẻ tiềm năng đã được quan tâm đầu tư đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn ở những môi trường chất lượng đào tạo tốt thông qua các chương trình đào tạo cán bộ ở nước ngoài. Gia tăng kết nối các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia nước ngoài với các nhà khoa học, các nhà làm chính sách trong nước và bước đầu tạo lan tỏa và thu hút đội ngũ trí thức của Việt Nam trên toàn thế giới. Các chương trình, các nhóm trí thức điển hình như Chương trình Sáng kiến Việt Nam là một trung tâm toàn cầu về chính sách phát triển cho Việt Nam đặt tại Đại học Indiana. Chương trình này đã thu hút nhiều giáo sư, chuyên gia

người Việt và người nước ngoài đến từ hơn 40 trường đại học, các trung tâm, viện nghiên cứu quốc tế tại Mỹ và trên toàn thế giới. Hội các nhà khoa học và chuyên gia Việt Nam toàn cầu (AVES Global), xuất phát từ các nhà khoa học và chuyên gia Việt Nam ở Pháp nhưng hiện đã mở rộng kết nối ở phạm vi toàn cầu. Giáo sư Trần Thanh Vân (nhà vật lý quốc tịch Pháp) và Hội Gặp gỡ Việt Nam tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học tại Trung tâm quốc tế về đào tạo và nghiên cứu liên ngành tại Quy Nhơn đã hội tụ được nhiều nhà khoa học từng đoạt giải Nobel đến Việt Nam. Hay Tổ tư vấn của Thủ tướng trong những nhiệm kỳ gần đây đã thu hút các nhà khoa học hàng đầu là người Việt Nam (cả trong và ngoài nước). Thu hút trí thức Việt Nam ở nước ngoài tham gia Hội đồng xét tặng Giải thưởng Tạ Quang Bửu như: Giáo sư Ngô Bảo Châu (Trường đại học Chicago), Giáo sư Trinh Xuân Thuận (Đại học Virginia, Hoa Kỳ), Giáo sư Vũ Hà Văn (Đại học Yale). Hay gần đây là Giải thưởng VinFuture của tập đoàn Vingroup đã thu hút hội đồng xét duyệt là những nhà khoa học hàng đầu thế giới là người nước ngoài và Việt Nam.

Thứ tư, môi trường làm việc cho đội ngũ trí thức dần thay đổi theo xu hướng thị trường, những người tài, trình độ chuyên môn tốt dần được ghi nhận và đào thải những người làm việc kém thông qua kết quả, trách nhiệm công việc cụ thể. Hơn nữa, tự bản thân mỗi trí thức thực thụ ngày càng có trách nhiệm hơn với công việc để gia tăng chất lượng và hiệu quả, từ đó có những đóng góp tích cực cho xã hội.

Thứ năm, cơ sở vật chất, trang thiết bị, văn phòng trụ sở làm việc ngày càng được đầu tư hoàn thiện giúp đội ngũ trí thức có điều kiện làm việc tốt hơn. Các tài liệu, số liệu phục vụ công tác nghiên cứu, sáng tạo, giảng dạy, tư vấn chính sách và sáng tác nghệ thuật được cải thiện rõ rệt. Sự phát

triển của hệ thống internet, viễn thông, thư viện điện tử và tiếp cận thư viện quốc tế trực tuyến là những công cụ đắc lực cải thiện chất lượng nghiên cứu, sáng tạo, giảng dạy, tư vấn chính sách cho đội ngũ trí thức của Việt Nam. Cả Nhà nước và tư nhân đã hình thành được những viện và trung tâm nghiên cứu tầm cỡ khu vực như: Viện V-KIST, Viện Nghiên cứu công nghệ Plasma (ARIPT), Viện Dữ liệu lớn Vingroup, Viện Nghiên cứu trí tuệ nhân tạo VinAI Research, Viện Nghiên cứu tế bào gốc và công nghệ gen Vinmec, Viện Nghiên cứu công nghệ FPT, Viện Nghiên cứu và công nghệ Phenikaa (PRATI - Phenikaa Research and Technology Institute) và Viện Nghiên cứu tiên tiến Thành Tây (TIAS - Thanh Tay Institute for Advance study),...

3.2. Một số điểm hạn chế

Hạn chế trong tuyển dụng: các chính sách tuyển dụng, tuyển mới trong các cơ quan nhà nước còn nhiều điểm bất cập, chưa hợp lý như: các quyết định tuyển dụng chưa hoàn toàn thuộc các đơn vị sử dụng cán bộ công chức, viên chức mà còn phụ thuộc cơ quan quản lý cấp trên sẽ làm giảm sự linh hoạt trong hoạt động tuyển dụng và sử dụng trí thức.

Các thủ tục tuyển dụng, thu hút người tài vẫn còn khá rườm rà, phức tạp. Chẳng hạn, thủ tục thu hút sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ tài năng phải thực hiện khá nhiều bước và thủ tục mất khá nhiều thời gian.

Việc bố trí, sử dụng đội ngũ trí thức còn thiếu hợp lý: Nhà nước đã có chính sách thu hút và sử dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ, nhưng việc sử dụng người tài lại chưa hiệu quả, do việc bố trí, sắp xếp công việc không phù hợp, môi trường làm việc chưa thực sự tốt, nên kết quả sử dụng nhân tài chưa đạt hiệu quả, nhiều người được thu hút, bồi dưỡng đào tạo bài bản, nhưng chỉ sau một thời gian

làm việc lại có nguyện vọng chuyển sang khu vực tư nhân hoặc sau đào tạo muốn bồi hoàn kinh phí vì có những lựa chọn làm việc tốt hơn⁷.

Chính sách đãi ngộ còn chưa phù hợp với xu hướng thị trường lao động: chính sách về lương, phụ cấp trong khu vực nhà nước chưa phù hợp với nguyên tắc của thị trường lao động đối với đội ngũ trí thức. Quan trọng hơn, kết quả đánh giá và đãi ngộ trong từng cơ quan, đơn vị chưa theo năng suất, kết quả đóng góp của đội ngũ trí thức chưa được sử dụng và thực hiện ở hầu hết các cơ quan, đơn vị do những quy định “cứng” về sử dụng lao động. Người lãnh đạo phụ trách/đứng đầu đơn vị trực tiếp sử dụng lao động có rất ít quyền quyết định việc trả lương, thưởng theo kết quả/thành quả lao động, trong khi chỉ họ mới là những người hiểu rõ nhất những cán bộ mà mình trực tiếp sử dụng, quản lý. Do đó, chính sách trả lương theo ngạch bậc tăng đều theo thời gian mà chưa tuân theo nguyên tắc trả lương theo năng suất, hiệu quả công việc.

Chương trình đào tạo thay đổi còn chậm so với xu hướng phát triển: chương trình đào tạo đại học và sau đại học dù có nhiều chính sách cải tiến, đổi mới nhưng nhiều trường đại học, viện nghiên cứu còn hạn

⁷ Kết quả thống kê năm 2016 của Sở nội vụ Hà Nội cho thấy, trong 13 năm vinh danh hàng ngàn thủ khoa xuất sắc, Hà Nội chỉ tuyển được khoảng 10%; trong năm 2018, có tới 93 nhân tài xin rút khỏi Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Đà Nẵng (Đề án 922), trong đó có 40 người xin nghỉ việc; theo đánh giá Đề án thu hút nhân tài đặc biệt của TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2014-2017, chỉ thu hút được 15 chuyên gia (hai Việt Nam, tám Việt kiều, năm nước ngoài), hiện năm người đã rút; theo đánh giá thực hiện Đề án 322 về đào tạo cán bộ tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước, năm 2011, có 2.268 người đi đào tạo tiến sĩ nhưng chỉ có 1.074 tiến sĩ về nước, trong số đó rất nhiều người xin hoàn lại kinh phí và ra làm việc ở khu vực tư nhân (Ban Tuyên giáo Trung ương, 2018).

chế về phương pháp và chương trình giảng dạy. Việc chạy đua về mặt số lượng và nhu cầu thị trường (trong thu hút học viên), cũng như tuyển dụng về bằng cấp nhằm hợp thức hóa vị trí làm việc (trong khu vực nhà nước) đã làm giảm chất lượng cả đầu vào và đầu ra trong công tác đào tạo đội ngũ trí thức.

Chương trình bồi dưỡng trí thức trong khu vực nhà nước còn chưa phù hợp: các chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn cho các đối tượng là lãnh đạo, công chức, viên chức ở nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau nhưng lại được thiết kế chương trình chung nên khả năng lĩnh hội, tiếp nhận chưa đồng đều, kết quả và hiệu quả chất lượng về chuyên môn, về quản lý của cán bộ sau bồi dưỡng chưa thực sự đạt cao. Có quá nhiều lớp, chương trình bồi dưỡng, học tập, nâng cao nhận thức, nên thời gian dành cho công tác chuyên môn của đội ngũ trí thức ít nhiều bị ảnh hưởng. Do đó, cần bố trí phối hợp các lớp tập huấn, nâng cao trình độ đối với cán bộ một khoảng thời gian phù hợp trong mỗi năm làm việc.

Chi đầu tư phát triển đội ngũ trí thức còn thấp. Mức chi cho R&D/GDP của Việt Nam năm 2015 là 0,44%, năm 2018 là khoảng 0,53%. Trong khi đó nhóm các nước có thu nhập thấp và trung bình cũng có mức chi R&D trung bình là 1,38% GDP, Thái Lan là 1%, Xingapo là 1,94%, Trung Quốc là 2,15%, Hàn Quốc là 4,81%... (World Bank, 2021). Chi bình quân cho một cán bộ nghiên cứu (FTE) của Việt Nam chỉ bằng gần một nửa của Thái Lan, bằng 1/5 của các nước Xingapo, Hàn Quốc, Trung Quốc và bằng 1/7 của Mỹ (Bộ Khoa học và công nghệ, 2021).

Cơ chế quản lý liên quan tới công tác tài chính đối với đội ngũ trí thức còn chưa phù

hợp. Cụ thể, các định mức, thủ tục quy trình liên quan tới cơ chế tài chính (như công tác phân bổ, thanh quyết toán các đề tài, dự án) đối với đội ngũ trí thức còn rườm rà, chưa phù hợp với thực tiễn và cơ chế thị trường.

4. Kết luận

Trong giai đoạn vừa qua, thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 6-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X “Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Đảng và Chính phủ đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các chủ trương, chính sách bước đầu đã có những mặt tích cực đóng góp vào sự phát triển của đội ngũ trí thức thông qua những đổi mới về chính sách thu hút, tuyển dụng, chính sách sử dụng, đãi ngộ, chính sách bồi dưỡng, đào tạo, cũng như đầu tư cơ sở hạ tầng, vật chất nhằm tạo môi trường hoạt động tốt nhất cho đội ngũ trí thức, tuy nhiên, vẫn còn nhiều điểm chưa phù hợp như: các chính sách hỗ trợ còn thiếu đồng nhất, chương trình bồi dưỡng, đào tạo còn chưa phù hợp; đầu tư tài chính còn thấp, thủ tục hành chính còn rườm rà, chính sách sử dụng và đãi ngộ chưa thực sự hấp dẫn./.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Chấp hành Trung ương (2008), Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 6-8-2008, Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa X về “*Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4-11-2013, Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương khóa XI về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công*

- ng nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.*
3. Bộ Chính trị (2008), Thông báo số 165-TB/TW, ngày 27-6-2008, về Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước”.
 4. Bộ Chính trị (2010), Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16-4-2010, “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.
 5. Bộ Chính trị (2014), Kết luận số 86-KL/TW, ngày 24-1-2014, của Bộ Chính trị “Về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ”.
 6. Bộ Chính trị (2015), Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 19-5-2015 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới.
 7. Bộ Khoa học và công nghệ (2021), *Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam 2020*, Nxb Khoa học và kỹ thuật.
 8. Chính phủ (2010), Nghị định số 18/2010/NĐ-CP, ngày 5-3-2010 về đào tạo, bồi dưỡng công chức.
 9. Chính phủ (2014), Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, ngày 27-1-2014, “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ”.
 10. Chính phủ (2014), Nghị định 87/2014/NĐ-CP, ngày 22-9-2014, quy định “Về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam”.
 11. Chính phủ (2014), Nghị định 99/2014/NĐ-CP, ngày 25-10-2014, “Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học”.
 12. Chính phủ (2015), Nghị định số 82/2015/NĐ-CP, ngày 24-9-2015, về miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam.
 13. Chính phủ (2016), Nghị quyết số 27/NQ-CP, ngày 5-4-2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2016 - 2020.
 14. Chính phủ (2017), Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, ngày 1-9-2017 về Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong và ngoài nước.
 15. Chính phủ (2017), Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, ngày 5-12-2017, về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.
 16. Hà Linh (2020), “Thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển”, *Nhân dân*, <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-kinh-te/thuc-day-doanh-nghiep-dau-tu-cho-nghien-cuu-va-phat-trien-449712/>.
 17. Luân Dũng (2019), “13 địa phương thí điểm tuyển dụng 76 vị trí lãnh đạo”, *Tiền phong*, <https://www.tienphong.vn/xa-hoi/13-dia-phuong-thi-diem-thi-tuyen-76-vi-tri-lanh-dao-1496175.tpo>.
 18. Quốc hội (2013), Luật Khoa học và công nghệ, số 29/2013/QH13, ngày 18-6-2013.
 19. Thủ tướng Chính phủ (2010), Quyết định số 911/QĐ-TTg, ngày 17-6-2010, phê duyệt “Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020”.
 20. Thủ tướng Chính phủ (2013), Quyết định số 599/QĐ-TTg, ngày 17-4-2013, phê duyệt “Đề án Đào tạo cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2020”.
 21. Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 1216/QĐ-TTg, ngày 22-7-2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020”.
 22. World Bank (2021), World Development Indicator.

Ngày nhận bài : 07-2-2022

Ngày nhận bản sửa : 21-2-2022

Ngày duyệt đăng : 23-2-2022